

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18 -11-2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đời và bà Vũ Thị Lệ Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐXX - ST ngày 14/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST- DS ngày 30/10/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim Y**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 62 H, phường P, quận S, Tp. Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 62 H, phường P, quận S, Tp. Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Vũ Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004 nhưng đến 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Để níu kéo hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn và hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2016 đến nay mặc dù ở chung một nhà. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tôi xác định tình cảm của tôi đối với ông Tâm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng là ông Vũ Văn T.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông Tâm có 02 con chung tên Vũ Thanh T, sinh ngày 16.11.2005 và Vũ Thảo L, sinh ngày 05.9.2009. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Tâm phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông Tâm không có nợ chung.

**** Bị đơn ông Vũ Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.***

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà Y chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố

tụng. Riêng bị đơn ông T không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà Y và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim Y được ly hôn ông Vũ Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Vũ Thanh T, sinh ngày 16.11.2005 và Vũ Thảo Ly, sinh ngày 05.9.2009 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà Y xác định vợ chồng không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Trần Thị Kim Y và ông Vũ Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Vũ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị Kim Y và ông Vũ Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Ng, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Y là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Để níu kéo hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn và hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên ông, bà đã ly thân từ năm 2016 đến nay mặc dù ở chung một nhà. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với chồng là ông Vũ Văn T.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. HĐXX xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà Y trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 09/8/2019 thể hiện mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật. Vào tháng 8/2018, bà Y có đơn gửi đến Tòa án xin được ly hôn ông T, qua phân tích hòa giải của Tòa án, tại phiên tòa ngày 07/11/2018 bà Y đã suy nghĩ và trở về đoàn tụ, trong thời gian này cả hai không cải thiện được những mâu thuẫn xảy ra hàng ngày nên bà Y lại tiếp tục gửi đơn xin ly hôn ông T. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Y là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông T là thỏa đáng. Còn ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

- Về con chung: Bà Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Vũ Thanh T, sinh ngày 16.11.2005 và Vũ Thảo L, sinh ngày 05.9.2009 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà Y là có cơ sở, nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà Y xác định vợ chồng không có nên không đề cập đến.

[3]. Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" của bà Trần Thị Kim Y đối với ông Vũ Văn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim Y được ly hôn ông Vũ Văn T. *Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim Y đối với ông Vũ Văn T nên giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2005 do UBND xã H, huyện Y, tỉnh N cấp ngày 22/5/2015 không còn giá trị pháp lý.*

2. Về con chung: Giao 02 con chung Vũ Thanh T, sinh ngày 16.11.2005 và Vũ Thảo L, sinh ngày 05.9.2009 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000đ bà Trần Thị Kim Y phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 8011 ngày 07/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đường sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA